TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN NINH KIỀU** **THÀNH PHỐ CẦN THƠ** Bản án số: 09/2024/HNGĐ-ST Ngày 19/02/2024 V/v " Tranh chấp ly hôn, nuôi con"	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN NINH KIỀU, THÀNH PHỐ CẦN THƠ

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà **Văng Thị Ngọc Yến**

Các Hội thẩm nhân dân: Bà **Hồ Thị Kim Luyến**

Bà **Nguyễn Minh Phương**

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà **Võ An Trinh** - Thư ký Tòa án nhân dân quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ.

Ngày 19 tháng 02 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ xét xử công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 364/2023/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 11 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1005/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 12 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà **Lê Thị D**, sinh năm 1984, (Xin vắng mặt).

ĐKTT: Số A, đường C, phường X, quận N, thành phố Cần Thơ.

Địa chỉ: Ấp B, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng.

- *Bị đơn*: Ông **Võ Văn D1**, sinh năm: 1983, (Vắng mặt).

Địa chỉ: Số A, đường C, phường X, quận N, thành phố Cần Thơ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình tố tụng, nguyên đơn bà Lê Thị D trình bày và yêu cầu: Bà và ông Võ Văn D1 qua tìm hiểu, tự nguyên tiến đến hôn nhân vào năm 2020, đăng ký kết hôn tại UBND phường X, quận N, thành phố Cần Thơ vào ngày 31/12/2020. Trong quá trình chung sống giữa ông bà phát sinh nhiều mâu thuẫn; Nguyên nhân chủ yếu là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không quan tâm chăm sóc lẫn nhau. Nay bà nhận thấy tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn, cuộc sống chung không hạnh phúc nên bà yêu cầu được ly hôn với ông D1.

Về con chung: Ông bà có 01 con chung tên Võ Lê V (Nữ), sinh ngày 01/3/2021. Từ khi sinh ra cho đến nay con đều do bà chăm sóc, nuôi dưỡng. Hiện nay con chung đang sinh sống cùng bà tại ấp B, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng, do vậy, bà

yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu ông D1 cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà xác nhận không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Võ Văn D1 đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng về yêu cầu ly hôn, nuôi con của bà Lê Thị D, thông báo về việc mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, hòa giải và xét xử theo quy định của pháp luật nhưng ông D1 không có ý kiến và vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Bà Lê Thị D và ông Võ Văn D1 kết hôn trên cơ sở tự nguyện, tuân thủ đúng quy định về việc đăng ký kết hôn, đã được Ủy ban nhân dân phường X, quận N, thành phố Cần Thơ cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 95, ngày 31/12/2020. Nay bà Lê Thị D yêu cầu ly hôn với ông Võ Văn D1. Đây là quan hệ pháp luật về ly hôn, nuôi con thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại Khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Do bị đơn ông Võ Văn D1 cư trú tại số A, đường C, phường X, quận N, thành phố Cần Thơ nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ theo quy định tại điểm a Khoản 1 Điều 35 và điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự tại phiên tòa: Nguyên đơn có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt, bị đơn đã được Tòa án tống đạt hợp lệ thông báo về việc mở phiên tòa xét xử vụ án theo quy định của pháp luật nhưng vẫn vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn theo quy định tại Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Xét yêu cầu ly hôn của bà Lê Thị D, nhận thấy, mâu thuẫn giữa bà Lê Thị D và ông Võ Văn D1 phát sinh từ việc bất đồng quan điểm, vợ chồng không quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, không cùng nhau xây dựng cuộc sống gia đình hạnh phúc. Theo bà D trình bày, bà và ông D1 đã không còn sinh sống cùng nhau và không tìm được phương án hàn gắn tình cảm để đoàn tụ gia đình. Về phía ông D1, trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập nhiều lần nhưng ông D1 đều vắng mặt và không có ý kiến phản hồi đối với yêu cầu ly hôn của bà D. Điều này chứng tỏ ông D1 không có thiện chí đoàn tụ gia đình với D.

Từ những căn cứ nêu trên cho thấy cuộc sống hôn nhân giữa bà D và ông D1 đã rơi vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân

không đạt được. Do đó, yêu cầu ly hôn của bà D là có cơ sở, phù hợp với căn cứ cho ly hôn tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4] Về con chung: Bà D xác nhận trong thời gian chung sống, ông bà có một con chung là cháu Võ Lê V (Nữ), sinh ngày 01/3/2021; Bà D yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu ông D1 cấp dưỡng nuôi con.

Xét yêu cầu nuôi con chung của bà D, nhận thấy, cháu Võ Lê V (N), sinh ngày 01/3/2021, hiện dưới 36 tháng tuổi; Cháu do bà D trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng từ nhỏ đến nay. Do vậy, căn cứ theo quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử tiếp tục giao con chung cho bà D trực tiếp nuôi dưỡng. Ông D1 được quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, không ai được quyền cản trở ông Duy thực h quyền này.

Về cấp dưỡng nuôi con: Theo đơn khởi kiện ngày 06/10/2023 bà D yêu cầu ông D1 cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng/tháng). Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết vụ án, bà rút lại yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Bà xác định không yêu cầu ông D1 cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Bà D xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét. Nếu sau này có phát sinh tranh chấp về các mối quan hệ này thì các đương sự được khởi kiện thành vụ án khác theo quy định.

[6] Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Bà Lê Thị D phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định pháp luật.

[7] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ Khoản 1 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Khoản 1 Điều 51, Khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

2. Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc xin ly hôn của bà Lê Thị D đối với ông Võ Văn D1.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị D được ly hôn với ông Võ Văn D1.

- Về con chung: Giao cháu Võ Lê V (Nữ), sinh ngày 01/3/2021 cho bà Lê Thị D trực tiếp nuôi dưỡng. Ghi nhận bà Lê Thị D không yêu cầu ông Võ Văn D1 cấp dưỡng nuôi con.

Dành quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung cho ông Võ Văn D1, không ai được quyền cản trở ông Duy thực h quyền này.

- Về tài sản chung và nợ chung: Do đương sự trình bày không có nên không đặt ra xem xét giải quyết.

3. Về án phí: Bà Lê Thị D phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân sơ thẩm, chuyển tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0000245 ngày 13/10/2023 của Chi cục thi hành án dân sự quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ sang thành án phí phải nộp.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

***Nơi nhận*:**
- Các đương sự;
-TAND TP.CT;
-VKSND TP.CT;
- VKSND.Q.NK;
- Chi cục THADS Q.NK;
- UBND P. Xuân Khánh, Q.Ninh Kiều, Tp. Cần Thơ (Số 95 ngày 31/12/2020);
- Lưu hồ sơ vụ án.

Văng Thị Ngọc Yến